TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 223/2024/HC-PT
Ngày:17/6/2024
V/v: "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Nguyễn Văn Tiến**
Các Thẩm phán: ông **Trần Quốc Cường**
ông **Trương Công Thi**

Thư ký phiên tòa: ông **Nguyễn Duy Hoàng**; Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông **Đinh Văn Chánh**; Kiểm sát viên.

Vào ngày 17 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 82/2024/TLPT-HC ngày 13/3/2024 về việc *"Kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"*. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 24/2024/HC-ST ngày 02 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo. Giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Huỳnh Công B - Sinh năm 1961; địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Võ Thành H - Sinh năm 1965, chức vụ: Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

- Ông Phạm T - Sinh năm 1978; Chức vụ: Trưởng phòng tài nguyên và Môi trường huyện L, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

- Ông Nguyễn Văn V - Sinh năm 1983; Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện L, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án người khởi kiện ông Huỳnh Công B **trình bày:**

Về nguồn gốc sử dụng đất: Năm 1987 gia đình tôi được UBND huyện cấp đất sản xuất theo giấy phép cấp đất làm kinh tế gia đình số 20/GP/CĐ ngày 12/5/1987 là 1000m^2. Sau khi nhận được đất UBND huyện cấp, gia đình tôi tiến hành trồng cây cà phê. Đồng thời bên cạnh lô đất đó còn một lô đất hoang hóa gia đình tôi đã khai hoang và làm nhà ở để tiện chăm sóc và bảo vệ. Ngày 06/10/1989 gia đình tôi làm đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất gửi phòng Địa chính huyện, gia đình tôi đã được UBND xã L (lúc bấy giờ) và UBND huyện đồng ý cấp cho hộ gia đình tôi gồm 400m2 đất thổ cư và 1600m2 đất màu tại tờ bản đồ số 03, số thửa 277A (theo bản đồ địa chính lúc bấy giờ) nên gia đình tôi yên tâm ở, sinh sống đến nay và nộp thuế nhà, đất hàng năm.

Về quá trình làm thủ tục xin cấp giấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Sau khi nhận được thông báo của UBND thị trấn L. Chiều ngày 17/9/ 2015 hộ gia đình tôi cùng các hộ dân tại tổ dân phố B, T họp tại hội trường thị trấn để UBND thị trấn L cùng Ban địa chính giải đáp thắc mắc bà con trong vấn đề xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 21 và 22/9/2015 hộ gia đình tôi cùng bà con tổ dân phố 2 làm công việc kê khai sử dụng đất đai với Ban địa chính thị trấn và hộ gia đình tôi đã nộp hồ sơ cho B1 địa chính thị trấn.

Mãi cho đến ngày 05/4/2022 (7 năm sau ngày nộp hồ sơ) hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ gia đình tôi mới được chuyển lên Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện. Đến ngày 17/3/2023 gia đình tôi mới nhận được T1 bảo của VP đăng ký đất đai là chưa đủ điều kiện cấp giấy CNQSDD.

Qua tìm hiểu Luật đất đai số 45/2013/QH13; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ T2 quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ; Công văn số 7471/UBND - VN&MT ngày 09/10/2015 của UBND tỉnh Đ.

Theo Điều 100 Luật đất đai năm 2013; Điều 20 Nghị định số 43/2014/ND-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; Công văn số 7471/UBND-NN&MT ngày 09/10/2015 của UBND tỉnh đối chiếu với nguồn gốc sử dụng đất của gia đình tôi thì đất gia đình tôi đang sử dụng đất đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Vào năm 1979 cơ quan Thủy S có nhà làm việc tại bến cá hồ Lắk bây giờ, để có đường đi nên đã xin huyện lấy đất tại lô đất hiện nay tôi đang sinh sống để đắp con đường từ ngã 3 (sau lưng trung tâm chính trị) ra tới nhà làm việc tại bến. Đất

được lấy đi để đắp đường (trước đây là đường ruộng) đất lấy đi có chỗ ít nhất là 0,5m-1m, chỗ nhiều nhất là hơn 2m (hiện trạng bờ ranh cơ quan thủy san lấy đất vẫn còn). Lúc bấy giờ nền trở đất hoang hóa, gia đình tôi không có đất ở nên đã xin làm nhà ở và bỏ công cải tạo đất để sản xuất sinh sống từ năm 1987 cho đến nay.

Gia đình tôi sử dụng đất được UBND xã L và UBND huyện cấp năm 1987 và năm 1989 trước thời điểm thành lập Ban Q.

Vì vậy, tôi yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xem xét giải quyết buộc Ủy ban nhân dân huyện L giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình tôi theo quy định của pháp luật về đất đai đối với thửa đất số 17, tờ bản đồ số 36, tổng diện tích đất là 2070,6m^2. Trong đó 400m^2 đất thổ cư và 1670m^2 đất màu. Tọa lạc tại: Tổ dân phố B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đắk Lắk, ngoài ra tôi không có yêu cầu gì khác.

Người đại diện theo uỷ quyền của người bị kiện: Ông Võ Thành H **trình bày:**

Ông B khởi kiện buộc UBND huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông Huỳnh Công B, thuộc thửa đất số 17, tờ bản đồ số 36, diện tích 2.070,6m^2 toạ lạc tại TDP B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đắk Lắk. Ủy ban nhân dân huyện L có ý kiến về nội dung khởi kiện của ông B như sau:

Trách nhiệm của Chi nhánh Văn phòng Đ trong công tác phối hợp thực hiện thủ tục đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với hộ gia đình, cá nhân được quy định tại dấu cộng thứ hai, gạch đầu dòng thứ nhất, Điểm b, khoản 1, Điều 10 của Quyết định số 06/2021/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của UBND tỉnh Đ về việc ban hành quy chế phối hợp giữa Văn phòng đăng ký đất đai thuộc Sở T3 với UBND cấp huyện, cấp xã, cơ quan thuế và các cơ quan có liên quan trong việc thực hiện một số chức năng, nhiệm vụ của Văn phòng đằng ký đất đai, quy định: *"Thực hiện các công việc theo quy định tại khoản 3 Điều 70 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; dự thảo Tờ trình, Quyết định công nhận quyền sử dụng đất (nếu có); in Giấy chứng nhận; chuyển hồ sơ đến* phòng T4 *để kiểm tra, trình UBND huyện xem xét, ký Giấy chứng nhận; cập nhật hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai và chuyển kết quả đến Bộ phận Một cửa cấp huyện"*

Tuy nhiên, theo báo cáo của Phòng T4 đến thời điểm hiện tại phòng T4 chưa nhận được hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với trường hợp của ông Huỳnh Công B; địa chỉ; TDP B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đắk Lắk do Chi nhánh Văn phòng Đ chuyển đến. Vì vậy, phòng T4 chưa có cơ sở tham mưu UBND huyện xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông Huỳnh Công B, thuộc thửa đất số 17, tờ bản đồ số 36, diện tích 2.070,6m^2 toạ lạc tại TDP B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đắk Lắk

như nội dung đơn ông Huỳnh Công B đã nêu. Từ những nội dung và căn cứ nêu trên, UBND huyện L đề nghị Toà án Nhân dân tỉnh Đắk Lắk căn cứ quy định để giải quyết vụ án đảm bảo theo đúng quy định

Nội dung vụ án như trên, **Bản án sơ thẩm số 24/2024/HC-ST ngày 02/02/ 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã Quyết định**:

Áp dụng khoản 1 Điều 100 Luật đất đai năm 2013 và Điều 20 Nghị định 43/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Chấp nhận đơn khởi kiện của người khởi kiện của ông Huỳnh Công B.

Buộc Ủy ban nhân dân huyện L phải cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông Huỳnh Công B theo quy định của pháp luật đất đai đối với thửa đất số 17, tờ bản đồ số 36, tổng diện tích đất là 2.070,6m^2, tọa lạc tại: Tổ dân phố B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đắk Lắk.

Ngoài ra, Bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm: ngày 06/02/2024, người bị kiện - Ủy ban nhân dân huyện L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm và đề nghị sửa Bản án sơ thẩm, Bác yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Công B (Người khởi kiện) vì toàn bộ thửa đất số 17 thuộc quy hoạch đất rừng phòng hộ.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người khởi kiện không rút đơn khởi kiện; Người bị kiện không rút đơn kháng cáo mà vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo và yêu cầu như trên, các bên không đối thoại được với nhau về yêu cầu khởi kiện; Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của Người bị kiện, Sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 24/2024/HC-ST ngày 02/02/ 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, B2 yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Công B.

Sau khi nghe: Nội dung kháng cáo; ý kiến của các bên liên quan đến nội dung kháng cáo; Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và quan điểm của Viện kiểm sát về giải quyết vụ án. Sau khi thảo luận và nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Xét kháng cáo của người bị kiện - Ủy ban nhân dân huyện L đề nghị sửa Bản án sơ thẩm, B2 yêu cầu khởi kiện của Người khởi kiện thì thấy:

[1.1]. Diện tích đất ông B đang sử dụng và đề nghị được cấp Giấy CNQSD đất có nguồn gốc do UBND huyện L cấp đất sản xuất theo giấy phép cấp đất làm kinh tế gia đình số 20/GP/CĐ ngày 12/5/1987 là 1000m^2 (BL 26). Ngày 15/3/2023, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L ban hành Thông báo số 35/TB-ĐKCG có nội dung: thửa đất số 17, tờ bản đồ số 36, tổng diện tích đất là 2.070,6m^2, tọa lạc tại: Tổ dân phố B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đắk Lắk của ông Huỳnh Công B chưa đủ điều kiện để cấp Giấy CNQSD đất theo Công văn số

1596/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 26/3/2020 của Bộ T2 "*chưa cấp Giấy CNQSD đất cho hộ gia đình, cá nhân đối với đất có nguồn gốc thu hồi từ các nông, lâm trường…"* là không đúng vì Thửa đất số 17, tờ bản đồ số 36, tổng diện tích đất là 2.070,6m^2, tọa lạc tại: Tổ dân phố B, tờ bản đồ số 36 huyện L, tỉnh Đắk Lắk của ông Huỳnh Công B không phải là đất có nguồn gốc thu hồi từ các nông, lâm trường.

[1.2]. Theo Công văn số 56/CNL-HCTH ngày 13/4/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L (BL. 32) và UBND huyện L thì Thửa đất số 17, tờ bản đồ số 36 của ông Huỳnh Công B nằm trong ranh giới đất UBND tỉnh Đ thu hồi 6.157,24ha của ban Q – Môi trường hồ Lắk giao về cho địa phương quản lý theo Quyết định số 581/QĐ-UBND ngày 13/3/2009. Qua lồng ghép thửa đất số 17, tờ bản đồ số 36 tại thị trấn L với quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 (đã được UBND tỉnh Đ phê duyệt tại Quyết định số 1790/QĐ-UBND ngày 10/8/2002) thuộc quy hoạch đất 3 loại rừng (đất rừng đặc dụng) nên UBND huyện L chưa xem xét cấp Giấy *Giấy CNQSD* đất cho ông Huỳnh Công B là có căn cứ. Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Công B: Buộc Ủy ban nhân dân huyện L phải cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông Huỳnh Công B theo quy định của pháp luật đất đai đối với thửa đất số 17, tờ bản đồ số 36, tổng diện tích đất là 2.070,6m^2, tọa lạc tại: Tổ dân phố B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đắk Lắk là chưa đủ có căn cứ. Sau khi xét xử sơ thẩm, Ủy ban nhân dân huyện L kháng cáo đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Công B. Kháng cáo của Ủy ban nhân dân huyện L là có căn cứ như đã nhận định ở trên nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của Người bị kiện. Sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 24/2024/HC-ST ngày 02/02/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Công B về việc: Buộc Ủy ban nhân dân huyện L phải cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông Huỳnh Công B theo quy định của pháp luật đất đai đối với thửa đất số 17, tờ bản đồ số 36, tổng diện tích đất là 2.070,6m^2, tọa lạc tại: Tổ dân phố B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đắk Lắk.

[2]. Án phí sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Công B không được chấp nhận, nhưng ông Huỳnh Công B là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[3]. Án phí phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên Ủy ban nhân dân huyện L không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Từ những nhận định trên.

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật tố tụng hành chính.

Chấp nhận kháng cáo của Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Đắk Lắk. Sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 24/2024/HC-ST ngày 02/02/ 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Áp dụng: Điều 19 Nghị định 43/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai.

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Công B về việc: Buộc Ủy ban nhân dân huyện L phải cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông Huỳnh Công B theo quy định của pháp luật đất đai đối với thửa đất số 17, tờ bản đồ số 36, tổng diện tích đất là 2.070,6m^2, tọa lạc tại: Tổ dân phố B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đắk Lắk.

2. Án phí sơ thẩm: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Miễn án phí hành chính sơ thẩm cho ông Huỳnh Công B.

3. Án phí phúc thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Đắk Lắk không phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm. Hoàn trả lại 300.000 đồngtiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0006498 ngày 05/3/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk cho Ủy ban nhân dân huyện L.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk ;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk ;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tiến